

Số: 159/BC-THPT HB

Vạn Linh, ngày 22 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT
Năm học 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Trường Trung học phổ thông (THPT) Hoà Bình.

2. Địa chỉ:

Thôn Pa Ràng, xã Vạn Linh, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 02053.820.473

Email: thpt.hoabinh.ls@gmail.com

Website: <http://thpthoabinh.langson.edu.vn>

3. Loại hình trường

Công lập

Cơ quan trực tiếp quản lý: Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp - kỷ cương, chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn

Trở thành một trong những trường có chất lượng giáo dục cao trong tỉnh.

4.3. Giá trị cốt lõi

Trường THPT Hoà Bình hướng tới các giá trị cốt lõi sau đây

- Đoàn kết, dân chủ
- Kỷ cương, nền nếp.
- Tâm huyết, trách nhiệm
- Hợp tác, chia sẻ.
- Tự hào, tự tin
- Khát vọng vươn lên.
- Đổi mới, hội nhập

- Phát triển.

4.4. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn Quốc gia cấp độ I giai đoạn 2026 – 2031 (năm 2030).

4.5. Phương châm hành động

Xây dựng tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện với phương châm “Nâng cao chất lượng đào tạo, hướng tới phát triển toàn diện nhà trường”.

5. Tóm tắt quá trình phát triển

Tiền thân của trường THPT Hoà Bình là trường phổ thông cấp 2+3 Chi Lăng B, được thành lập năm 1973 theo Quyết định số 273/QĐ-VX/UB ngày 15 tháng 10 năm 1973 của Ủy ban hành chính tỉnh Lạng Sơn nay là UBND tỉnh Lạng Sơn. Đến năm học 1991-1992 khối cấp II trường cấp I-II Bằng Mạc tách ra khỏi trường cấp I-II Bằng Mạc, sáp nhập vào trường cấp III, trường lấy tên là trường cấp 2-3 Chi Lăng. Đến năm học 2007-2008, toàn trường có 36 lớp, trong đó số lớp khối cấp III có 28 lớp, với 1170 học sinh, được sự đồng ý của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn, từ tháng 1 năm 2008, khối cấp II lại được tách ra lấy tên là trường THCS xã Hòa Bình, còn khối cấp III được mang tên là trường THPT Hòa Bình đến nay (theo Quyết định số 100/QĐ- UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn). Học sinh trường THPT Hòa Bình chủ yếu là người dân tộc Tày, Nùng của 2 xã vùng núi đá bao gồm xã Vạn Linh, Bằng Mạc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Ngô Thị Thương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Pa Ràng, xã Vạn Linh, tỉnh Lạng Sơn

Số điện thoại: 0912634558

Địa chỉ thư điện tử: ngothuong.thpt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường: Trường được thành lập từ năm 1973, đến năm 2008 có tên là trường THPT Hoà Bình (Quyết định số 100/QĐ- UBND ngày 16/10/2008).

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Không có Hội đồng trường (Căn cứ công văn số 2675/SGDĐT-TCCB ngày 18/6/2026 của Sở GD&ĐT V/v chấm dứt hoạt động và các chức danh của Hội đồng trường công lập)

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đơn vị:

Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số: 263/QĐ-SGDĐT ngày 28/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Hoà Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đồng chí Ngô Thị Thương).

Đơn vị có 02 Phó Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số: 259 /QĐ-SGDĐT ngày 29/03/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Hoà Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với bà Nông Thị Ngọc Hoa).

Quyết định số: 1466 /QĐ-SGDĐT ngày 01/11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Hoà Bình trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với ông Vi Hồng Quang).

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Quy chế làm việc của nhà trường được ban hành kèm theo Quyết định số 266/QĐ-THPTHB ngày 19/12/025 của Trường THPT Hoà Bình ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường THPT Hoà Bình năm học 2025-2026.

Vị trí chức năng

- Trường THPT Hoà Bình là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Lạng Sơn.

- Trường THPT Hoà Bình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, và các quy định pháp luật có liên quan. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng hoạt động theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Cơ cấu tổ chức:

- Hội đồng trường có 11 thành viên

- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Hội đồng thi đua khen thưởng: 01 hội đồng

- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ trường)

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 28 đảng viên

- Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 01 Bí thư, 02 Phó Bí thư, 02 Ủy viên Ban Thường vụ.

- Các tổ chuyên môn có 04 tổ:

+ Tổ Toán-Lý- Tin có 11 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

+ Tổ Hoá- Sinh-CN-GDTC-GDQP&AN có 12 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

+ Tổ Văn-Anh có 11 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

+ Tổ Sử-Địa-GDKT&PL có 10 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó.

- Tổ văn phòng có 06 thành viên. Trong đó có 01 Tổ trưởng, không có Tổ phó.

7.5. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có)

Không có.

7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Ghi chú
1	Ngô Thị Thương	Hiệu trưởng	0912634558	ngothuong.thpt@gmail.com	
2	Nông Thị Ngọc Hoa	Phó Hiệu trưởng	0376563808		

3	Vi Hồng Quang	Phó Hiệu trưởng	0976549088		
---	---------------	-----------------	------------	--	--

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Pa Ràng, xã Vạn Linh, tỉnh Lạng Sơn.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

Kế hoạch số 251/KH-THPTHB, ngày 06/9/2025 của trường THPT Hoà Bình kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Kế hoạch số 247/KH-THPTHB, ngày 26/8/2025 của trường THPT Hoà Bình kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Kế hoạch số 248/KH-THPTHB, ngày 26/8/2025 của trường THPT Hoà Bình kế tổ chức dạy học hai buổi trên ngày năm học 2025-2026;

Kế hoạch số 266/KH-THPTHB, ngày 15/9/2025 của trường THPT Hoà Bình kế tổ chức dạy học hai buổi trên ngày năm học 2025-2026 (Bản điều chỉnh lần 2).

Kế hoạch số 279/KH-THPTHB, ngày 9/9/2025 của trường THPT Hoà Bình kế hoạch ôn thi tốt nghiệp năm học 2025-2026.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 267/QĐ-THPT HB ngày 19/12/2025 của Trường THPT Hoà Bình v/v ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường THPT Hoà Bình năm học 2025-2026.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số liệu tại thời điểm báo cáo (theo biên chế)

ST T	Nội dung	Tổng g số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Khá c	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	
	Tổng số CBQL, GV và nhân viên	50	47	5	40	0	2	3	0	20	23					
	Trong đó:															
I	Cán bộ quản lý	3														
1	Hiệu trưởng		1	1						1			1			
2	Phó hiệu trưởng		2	1	1					2			2			
II	Giáo viên dạy môn	39														
1	Toán		6		6					2	4	1	5			
2	Sử		3		3					3		3				
3	Địa		4	1	3					2	2	3	1			
4	KTPL		2		2					2		1	1			

5	GDTC		3		3					3		3			
6	Hoá		3		3					3	1	2			
7	Sinh		2		2					2	2				
8	Ngoại ngữ		4		4			3		1	2	2			
9	Ngữ văn		5	1	4			3		2	2	3			
10	Vật lí		3	1	2					3	1	2			
11	Tin học		2		2			1		1	1	1			
12	Công nghệ		1		1			1			1				
13	GD QPAN		1		1					1	1				
III	Nhân viên	8													
1	Nhân viên thư viện		1		1										
2	Nhân viên y tế		1				1								
3	Nhân viên kế toán		1		1					1					
4	Nhân viên văn thư		1				1								
5	Nhân viên thiết bị		1		1										
6	Nhân viên bảo vệ						2								
7	Nhân viên phục vụ						1								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng diện tích đất: 11.505m²

- Tổng diện tích nhà:

+ Tổng diện tích xây dựng nhà: 2.240m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng nhà: 3.848m²

+ Tổng diện tích sàn sử dụng nhà: 3.848m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh 16,2 m² (so với quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT thì chưa đủ diện tích bình quân tối thiểu là 10m²/học sinh).

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Khối phòng học tập:

+ Số phòng học: 19 phòng (17 phòng học kiên cố, 02 phòng bán kiên cố, đạt tỷ lệ kiên cố là 89,47%) đảm bảo theo tiêu chuẩn Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT về số lượng phòng học/lớp. Có đủ chỗ ngồi cho học sinh, bàn ghế giáo viên, bảng, hệ thống đèn và hệ thống quạt. Tuy nhiên nhiều phòng học, bàn ghế học sinh chưa đảm bảo còn sử dụng bàn ghế cũ (từ năm....), có phòng học đã sử dụng bàn ghế mới nhưng diện tích phòng học nhỏ, việc sắp xếp chỗ ngồi còn chật chội.

+ Các phòng học bộ môn: Số phòng học bộ môn: 03. So với tiêu chuẩn còn thiếu phòng học bộ môn 6 (Vật lý - Công nghệ; Ngoại Ngữ; Phòng khoa học xã hội; Mỹ thuật; Âm nhạc; phòng thiết bị giáo dục).

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 0 phòng. So với tiêu chuẩn còn thiếu phòng 03 phòng.

- Khối phụ trợ: 12 phòng. Chưa có phòng sử dụng chung cho các tổ chuyên môn (01 phòng họp (hiện đã có 01 phòng 50m² nhưng hẹp, chưa đủ tiêu chuẩn 72m² hoặc 1,2m²/người; 06 phòng tổ chuyên môn; 01 phòng Y tế học đường (hiện đã có 01 phòng 16m² nhưng hẹp, chưa đủ tiêu chuẩn 24m²) 02 nhà kho; 02 phòng nghỉ Giáo viên; 02 phòng giáo viên).

Có 3 khu nhà để xe của học sinh, có mái che, đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Có 02 khu vệ sinh học sinh (6 phòng có vách ngăn), diện tích đảm bảo, tuy nhiên số xí và chậu rửa chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn.

Cổng, hàng rào vững chắc, an toàn.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao:

+ Sân chơi (sân trường): 01

+ Sân thể dục thể thao: không có

- Khối phục vụ sinh hoạt: Không có.

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

+ Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

+ Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

+ Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; Tuy nhiên chưa có lối ra vào riêng, chưa thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; chưa có hệ thống thoát nước riêng, chưa có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Cơ bản có đủ các thiết bị dạy học theo chương trình giáo dục 2006, các thiết bị dạy học được khai thác, sử dụng hiệu quả. Đã được trang bị thiết bị dạy học lớp 10 và một số thiết bị dùng chung chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường đã tiếp nhận gói thiết bị dạy học lớp 10 và một số thiết bị dùng chung trị giá 1.030.167.000 đồng (Quyết định 245/QĐ-SGDĐT, ngày 24/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn). Hiện nay còn thiếu thiết bị dạy học lớp 11,12 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Năm học 2025-2026, nhà trường đã thực hiện lựa chọn danh mục sách giáo khoa như sau:

+ Sách giáo khoa lớp 10

STT	Môn	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Hóa học	Hóa học 10 (Cánh Diều)	Trần Thành Huế (TCB), Nguyễn Ngọc Hà (CB)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Cánh Diều)	Trần Thành Huế (TCB), Nguyễn Ngọc Hà		
2	Sinh học	Sinh học 10 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (TCB), Đình Quang Báo (CB)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Sinh 10 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (TCB), Đình Quang Báo (CB)		
3	Công nghệ	Công nghệ trồng trọt 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Lê Ngọc Anh, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Thu Hương, Vũ Văn Liết, Nguyễn Ích Tân, Bùi Ngọc Tấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 10 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Xuân Hoa (Chủ biên), Chu Quang Bình- Hoàng Thị Hồng Hải	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	TNHN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tổ Oanh, Trần Thị Thu	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Vật lý	Vật lý 10(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng(Tổng Chủ biên), Bùi Gia Thịnh (chủ biên), Phạm Kim Chung, Tô Giang, Nguyễn Xuân Quang, Nguyễn Văn Thụ	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	
		Chuyên đề	Vũ Văn Hùng (Tổng		

		học tập Vật lí 10(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chủ biên), Nguyễn Quang Báu (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải		
7	Tin học	Tin học 10 (Cánh Diều)	Hồ Sỹ Đàm (TCB), Hồ Cẩm Hà (CB)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Tin học 10 Định hướng tin học ứng dụng (Cánh Diều)	Hồ Sỹ Đàm (TCB), Hồ Cẩm Hà (CB)		
8	Công nghệ CN	Công nghệ 10: Thiết kế và công nghệ (Kết nối tri thức và cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên - Chủ biên). Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Võ Thị Như Uyên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Ngữ văn	Ngữ văn 10, Tập 1 (Cánh Diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Ngữ văn 10, Tập 2 (Cánh Diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)		
		Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Cánh Diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)		
		Giáo dục thể chất 10: Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Hùng (Chủ biên), Phạm Thị Lệ Hằng		
		Giáo dục thể chất 10: Đá cầu (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Quang Hiệp (TCB), Đinh Quang Ngọc (CB)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Học sách lớp 10 (Bóng chuyền, Cầu lông, Đá cầu)
10	GDQP	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

11	Toán	Toán 10, (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương, Phạm Hoàng Quân	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Toán 10 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương, Phạm Hoàng Quân		
12	Lịch sử	Lịch sử 10 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên) – Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình – Nguyễn Thu Hiền – Tống Thị Quỳnh Hương – Nguyễn Mạnh Hường.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Bình (Tổng chủ biên) – Nguyễn Văn Ninh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thế Bình – Nguyễn Văn Dũng – Nguyễn Thu Hiền		
13	Địa lí	Địa Lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn thị Vũ hà (Chủ biên), Nguyễn Tú linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Địa Lí 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn thị Vũ hà (Chủ biên), Nguyễn Tú linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh		
14	GDKT&PL	GDKT&PL 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ Biên), Nguyễn Hà An – Phạm Thị Kim Dung – Nguyễn Thị Toan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập GDKT&PL 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trần Thị Mai Phương (Chủ Biên), Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Toan		

+ Sách giáo khoa lớp 11

STT	Môn	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Hóa học	Hóa học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên). Đặng Xuân Thư (Chủ biên) -Nguyễn Đăng Đạt- Lê Thị Hồng Hải- Nguyễn Văn Hải- Đường Khánh Linh- Trần Thị Như Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Hóa học 11(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên) Đặng Xuân Thư (Chủ biên) Nguyễn Hữu Chung- Nguyễn Đăng Đạt- Nguyễn Văn Hải - Đường Khánh Linh- Trần Thị Như Mai		
2	Sinh học	Sinh học 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn lập (Tổng chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Trần Thị Thanh Huyền , Vũ Thị Thu, Tô Thanh Thúy, Lê Thị Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Sinh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn lập (Tổng chủ biên), Lê Đình Tuấn (Chủ biên), Phan Thị Thu Hiền, Trần Thị Thanh Huyền , Đặng Bảo Ngọc, Lê Thị Thúy		
3	Công nghệ	Công nghệ chăn nuôi 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Nguyễn Xuân Bá , Cao Bá Cường, Phạm Kim Đăng, Bùi Hữu Đoàn, Nguyễn Bá Hiện, Trần Thị Bình Nguyên, Đỗ Thị Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 11 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	TNHN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

6	Vật lý	Vật lý 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Phạm Kim Chung, Nguyễn Chính Cường, Tô Giang, Đặng Thanh Hải, Vũ Thúy Hằng, Bùi Gia Thịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	
		Chuyên đề học tập Vật lý 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Trương Duy Hải, Bùi Trung Ninh, Phạm Văn Vĩnh		
7	Tin học	Tin học 11, định hướng Tin học ứng dụng (kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ Biên), Đinh Quang Báo (Chủ biên), Cao Phi Bằng, Ngô Văn Hưng, Nguyễn Thị Trung Thu, Đoàn Văn Thước	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập tin học 11, định hướng tin học ứng dụng (kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ Biên), Bùi Việt Hà (Chủ Biên), Nguyễn Hoàng Hà, Nguyễn Thị Hiền, Trương Võ Hữu Thiên, Lê Hữu Tôn, Phạm Thị Bích Vân		
8	Công nghệ CN	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên). Thái Thế Hùng (Chủ biên), Hồ Hữu Hải. Không Vũ Quảng. Trương Hoành Sơn. Nguyễn Hồng Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Ngữ văn	Ngữ văn 11 (Cánh Diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Cánh Diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)		
10	Thể dục	Không lựa chọn			Học sách lớp 10 (Bóng chuyền, cầu lông)
11	GDQP	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên), Đoàn Chí Kiên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

		thức với cuộc sống)	(Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên	dục Việt Nam	
12	Toán	Toán 11, (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	Công ty cổ phần đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC)	
		Chuyên đề học tập Toán 11 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương	(Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
13	Lịch sử	Lịch sử 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh		
14	Địa lí	Địa Lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn thị Vũ hà (Chủ biên), Nguyễn Tú linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh		
		Chuyên đề học tập Địa Lí 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Thông (Tổng chủ biên) - Nguyễn Đức Vũ (Chủ biên)– Nguyễn Hoàng Sơn	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	
15	GDKT&PL	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai phương (Đồng Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

+ Sách giáo khoa lớp 12

STT	Môn	Tên sách	Tác giả	Tổ chức cá nhân	Ghi chú
1	Hóa học	Hóa học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi- Ngô Tuấn Cường- Nguyễn Văn Hải-Lê Trọng	Nhà xuất bản Giáo dục	

			Huyền- Nguyễn Thanh Hưng- Đường Khánh Linh.	Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Hóa học 12;(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Kim Long (Tổng chủ biên), Đặng Xuân Thu (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Tuấn Cường- Nguyễn Đặng Đạt - Nguyễn Văn Hải- Nguyễn Thanh Hưng- Đường Khánh Linh ;		
2	Sinh học	Sinh học 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Sinh 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Văn Lập (Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc		
3	Công nghệ	Công nghệ 12, Lâm nghiệp - Thủy sản (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đồng Huy Giới (chủ biên) Nguyễn Xuân Cảnh - Trương Đình Hoài - Đỗ Thị Phương- Lê Xuân Trường - Trần Ánh Tuyệt - Kim Văn Vạn	Đại học Huế	
4	Tiếng Anh	Tiếng Anh 12 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Vũ Hải Hà (Chủ biên), Chu Quang Bình, Hoàng Thị Hồng Hải	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	TNHN	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tổ Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Vật lí	Vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Biên (Chủ biên), Trần Ngọc Chất, Phạm Kim Chung, Đặng Thanh Hải, Tường Duy Hải, Bùi Gia Thịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập vật lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Đặng Thanh Hải (Chủ biên), Nguyễn Chính Cường, Tường Duy Hải, Phạm Văn Vĩnh		
7	Tin học	Tin học 12, Định hướng	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Bùi Việt Hà, Đào Kiến		

		Tin học dụng ứng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Quốc (đồng Chủ biên), Nguyễn Nam Hải, Dương Quỳnh Nga, Lê Kim Thư, Đặng Bích Việt		
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long (Tổng Chủ biên), Đào Kiến Quốc (Chủ biên), Ngô Văn Thứ, Đặng Bích Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Công nghệ CN	Công nghệ 12: Công nghệ điện - điện tử (Kết nối tri thức)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đinh Triều Dương (Chủ biên) Phạm Duy Hưng, Hoàng Gia Hưng, Bùi Trung Ninh, Nguyễn Đăng Phú, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Ngữ văn	Ngữ văn 12, Tập 1 (Cánh diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
		Ngữ văn 12, Tập 2 (Cánh diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)		
		Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Cánh diều)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (Đồng TCB) Vũ Thanh (CB)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
10	Thể dục	Không lựa chọn			Học sách lớp 10 (Bóng rổ, Bóng đá)
11	Giáo dục Quốc phòng và an ninh	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải (Tổng chủ biên), Đoàn Chí Kiên (Chủ biên), Ngô Gia Bắc, Hoàng Quốc Huy, Mai Đức Kiên	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12		Toán 12, Tập 2 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan,	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo	

	Toán		Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương.	Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	
		Chuyên đề học tập Toán 12 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Xuân Chung, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Minh Phương.		
13	Lịch sử	Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh		
14	Địa lí	Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn thị Vũ hà (Chủ biên), Nguyễn Tú linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huỳnh (Tổng chủ biên), Nguyễn thị Vũ hà (Chủ biên), Nguyễn Tú linh, Phạm Thị Ngọc Quỳnh		
15	GDKT&PL	GDKT&PL 12 (Sách kết nối tri thức)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hối, Nguyễn Thị Thu Trà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả tự đánh giá (cuối năm học 2025-2026)

Năm học 2025- 2026 nhà trường đã rà soát các tiêu chuẩn, tiêu chí kết quả cụ thể như sau:

- Tiêu chuẩn 1: Đạt

- Tiêu chuẩn 2:

+ Ở Tiêu chí 3:

+ + a3: Trình độ đào tạo chưa đáp ứng vị trí việc làm.

- Tiêu chuẩn 3:

+ Tiêu chí 1:

+ + c1: Chưa có đủ sân chơi, bãi tập thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập TDTT và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

+ + a2: Chưa có khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục

+ Tiêu chí 2:

+ + a2: Chưa có phòng học bộ môn được xây dựng đạt chuẩn theo quy định.

+ + a3: Chưa có các phòng học, phòng bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

+ Tiêu chí 4

+ + b1: Chưa có hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho GV, NV, HS.

+ + b2: Chưa có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ y tế.

+ Tiêu chí 6

+ + a2: Thư viện nhà trường chưa đạt thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

+ + Chưa có hệ thống máy tính của thư viện kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của CBQL, GV, NV, HS.

- Tiêu chuẩn 4,5 đạt yêu cầu

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá trong năm học 2025 - 2026

+ Phần đầu đạt tiêu chí 1 (c3), tiêu chí 2 (a3) tiêu chí 6 (a2, a3) của tiêu chuẩn 3 và các tiêu chuẩn còn lại.

+ Tổ chức lưu trữ hồ sơ minh chứng khoa học, tiếp tục bổ sung hồ sơ năm học 2025- 2026.

+ Chuẩn bị hồ sơ công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục (cấp độ 1) vào năm 2030.

+ Các giải pháp thực hiện: Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để giữ vững chất lượng của trường đạt chuẩn quốc gia. Lựa chọn một số tiêu chí ưu tiên thực hiện trong năm học phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tham gia lớp tập huấn về kiểm định chất lượng tại Sở Giáo dục và Đào tạo Tỉnh Lạng Sơn (nếu có).

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Nhà trường phân đầu các điều kiện đề nghị công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2028.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026:

+ Vùng tuyển sinh: Trường THPT Hoà Bình tuyển học sinh chủ yếu thuộc các xã Vạn Linh, Bằng Mạc (Trước sáp nhập là các xã Hòa Bình, Bằng Mạc, Bằng Hữu, Vạn Linh, Y Tịch, Gia Lộc, Thượng Cường), học sinh của trường DTNT THCS và những học sinh có nguyện vọng 2 học tại trường.

+ Chỉ tiêu tuyển sinh:

Số học sinh thuộc vùng tuyển: 379

Số học sinh tuyển mới vào trường: 280, tỷ lệ 73,8%. 40 học sinh/lớp.

Số lớp 10 tuyển mới: 7

+ Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

+ Phương án lựa chọn và tổ chức sắp xếp dạy các tổ hợp lớp 10 năm học 2025-2026:

Tổ hợp 1: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học: 1 lớp = 40 học sinh.

Tổ hợp 2: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Hoá học, Địa lý, CNCN: 2 lớp = 80 học sinh.

Tổ hợp 3: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Hoá học, Sinh học, GDKTPL, CNNN: 2 lớp = 80 học sin).

- Tổ hợp 4: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Hoá học, Địa lý, Tin học: 2 lớp = 80 học sinh.

+ Lộ trình thực hiện như sau:

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Trước 6/5/2025	Hoàn thành xây dựng kế hoạch tuyển sinh của nhà trường; thực hiện tư vấn tuyển sinh tại các trường THCS	HT, các thành viên được phân công
Trước 9/5/2025	Nhận DS HS thường trú vùng KT đặc biệt khó khăn	Ban Hồ sơ
12-18/5/2025	Nhận HS đăng ký dự thi; Nhận HS thí sinh tự do	Ban hồ sơ
12/5/2025	Báo cáo kết quả tư vấn tuyển sinh tại các trường THCS về Sở GDĐT	HT, Ban tư vấn TS

Trước 26/5/2025	Chia phòng thi, đánh số BD, niêm yết DS, báo cáo SL đăng ký dự thi về Sở GDĐT	Ban hồ sơ
Trước 28/5/2025	Tham gia Tập huấn nghiệp vụ thi, nộp DS HĐ coi thi; Tổ chức học tập quy chế thi cho CB, GV, NV	Toàn HĐ, BGH
Trước 31/5/2025	Chuẩn bị cơ sở vật chất và các đk tổ chức thi	BGH, các thành viên được phân công
3/6/2025	Nhận vật liệu thi và nộp kinh phí vật liệu thi tại Sở GDĐT. Lãnh đạo, thư kí HĐ coi thi, tổ bảo vệ, phục vụ có mặt làm việc.	Lãnh đạo, thư kí HĐ, tổ BVPV
4/6/2025	- Hội đồng coi thi làm việc (bắt đầu từ 8h00) - Phổ biến quy chế tại phòng thi từ 14h	Hội đồng coi thi
	Nhận đề thi tại Sở GDĐT (từ 13h30)	Lãnh đạo HĐCT
5-7/6/2025	Coi thi theo lịch	Hội đồng coi thi
Trước 17h30 ngày 7/6/2025	Nộp bài thi về Sở GDĐT	Lãnh đạo HĐCT
21/6-25/6/2025	Niêm yết kết quả thi, HD đăng ký phúc khảo	Hội đồng tuyển sinh Sở GDĐT
1/7-3/7/2025	- Học sinh trúng tuyển nộp đơn đăng kí nhập học - Tiếp nhận đơn phúc khảo của học sinh (Nộp dữ liệu trước 11h00, ngày 3/7/2025)	Học sinh, HĐTS trường
5/7-10/7/2025	Hoàn thành phúc khảo bài thi tuyển sinh	Sở GDĐT
Trước 20/7/2025	Phê duyệt danh sách trúng tuyển các trường	Sở GDĐT, các trường THPT
Sau 20/7/2025	Thông báo danh sách trúng tuyển	Hội đồng tuyển sinh trường

- Kế hoạch tuyển sinh năm học 2026-2027:

+ Vùng tuyển sinh: Trường THPT Hoà Bình tuyển học sinh chủ yếu thuộc các xã Vạn Linh, Bằng Mạc và một số xã giáp ranh (Chi Lăng, Cai Kinh), học sinh của trường DTNT THCS và những học sinh có nguyện vọng 3 học tại trường.

+ Chỉ tiêu tuyển sinh:

Số học sinh thuộc vùng tuyển: 407

Số học sinh tuyển mới vào trường: 290, tỷ lệ 71,3%. 41,4 học sinh/lớp.

Số lớp 10 tuyển mới: 07

+ Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

+ Phương án lựa chọn và tổ chức sắp xếp dạy các tổ hợp lớp 10 năm học 2026-2027:

Tổ hợp 1: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, Hoá học, Sinh học, Địa lý: 3 lớp = 126 học sinh.

Tổ hợp 2: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Vật lý, CNCN, GDKT&PL, Địa lý:
2 lớp = 84 học sinh.

Tổ hợp 3: Môn bắt buộc+ môn tự chọn: Hoá học, CNNN, Tin học, GDKTPL,; 2 lớp = 80 học sin).

+ Lộ trình thực hiện như sau:

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
Trước 01/5/2026	Thực hiện tư vấn tuyển sinh tại các trường THCS	HT, các thành viên được phân công
Trước 6/5/2026	Hoàn thành xây dựng kế hoạch tuyển sinh của nhà trường	HT, PHT phụ trách
12-16/5/2026	Nhận HS đăng ký dự thi; Nhận HS thí sinh tự do	Ban hồ sơ
Trước 18/5/2026	Chia phòng thi, đánh số BD, niêm yết DS, báo cáo SL đăng ký dự thi về Sở GDĐT	Ban hồ sơ
Trước 22/5/2026	Tham gia Tập huấn nghiệp vụ thi, nộp DS HĐ coi thi; Tổ chức học tập quy chế thi cho CB,GV,NV	Toàn HĐ, BGH
Trước 23/5/2026	Chuẩn bị cơ sở vật chất và các đk tổ chức thi	BGH, các thành viên được phân công
24/5/2026	Nhận vật liệu thi và nộp kinh phí vật liệu thi tại Sở GDĐT. Lãnh đạo, thư kí HĐ coi thi, tổ bảo vệ, phục vụ có mặt làm việc.	Lãnh đạo, thư kí HĐ, tổ BVPV
25/5/2026	- Hội đồng coi thi làm việc (bắt đầu từ 8h00) - Phổ biến quy chế tại phòng thi từ 14h	Hội đồng coi thi
	Nhận đề thi tại Sở GDĐT	Lãnh đạo HĐCT
26-27/5/2026	Coi thi theo lịch	Hội đồng coi thi
Trước 17h30 ngày 27/5/2026	Nộp bài thi về Sở GDĐT	Lãnh đạo HĐCT
17-20/6/2026	Niêm yết kết quả thi, HD đăng ký phúc khảo	Hội đồng tuyển sinh Sở GDĐT
23-24/6/2026	- Học sinh trúng tuyển nộp đơn đăng kí nhập học - Tiếp nhận đơn phúc khảo của học sinh (Nộp dư liệu trước 11h00, ngày 23/6/2026)	Học sinh, HĐTS trường

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch giáo dục tổng thể, chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng mới Chương trình giáo dục môn học các khối lớp 10, 11,12. Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của cấp trên (Công văn số 3118/SGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026; Công văn số 3365/SGDĐT-GDTrH ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở GD&ĐT Lạng

Son về hướng dẫn dạy học 2 buổi trên ngày đối với các trường trung học năm học 2025-2026), điều kiện thực tế về đội ngũ và cơ sở vật chất của nhà trường.

Đến ngày 10/5/2026 nhà trường đã cơ bản hoàn thành Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 (trừ công tác ôn thi tốt nghiệp THPT). Chương trình giáo dục các môn học, các hoạt động giáo dục đều được thực hiện đủ thời lượng và đạt hiệu quả theo kế hoạch đã xây dựng. Có sự điều chỉnh Kế hoạch giáo dục các môn và Kế hoạch các Hoạt động giáo dục một cách linh hoạt trong quá trình thực hiện.

Chương trình các môn học đã xây dựng nội dung tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục học và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nội dung giáo dục pháp luật, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục bảo vệ môi trường; có 5% nội dung chương trình và thời lượng dạy học bằng hình thức trực tuyến, tập trung chủ yếu là các nội dung về ôn tập, luyện tập, củng cố kiến thức. Việc bố trí giáo viên, tổ chức dạy học chuyên đề và các hoạt động giáo dục cơ bản phù hợp với chuyên môn được đào tạo.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị phụ huynh học sinh trong năm học. Hội nghị được tổ chức 3 lần/năm học.

- Xây dựng các bản cam kết giữa phụ huynh học sinh, học sinh và nhà trường trong việc giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, không vi phạm các hành vi về pháo.

- Phối hợp với chính quyền địa phương (các xã) về việc quản lý học sinh trong dịp hè.

- Phối hợp với các phòng ban, cơ quan chuyên môn của huyện (Công an xã, Đoàn xã,...) trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

- Dịp Khai giảng năm học mới: Ngân hàng BIDV trao 10 xuất học bổng (Tổng 2.000.000 đồng); Bảo hiểm xã hội Lạng Sơn trao 05 xuất Bảo hiểm (Tổng 3.000.000 đồng); Công ty đồng phục Minh Anh trao 10 áo đồng phục (Tổng 1.600.000 đồng).

- Dịp Tết Nguyên đán năm 2026: trao 21 xuất quà + 2 xuất học bổng = tổng 12.000.000 đồng.

- Chương trình hũ gạo tình thương quyên góp được 11.953.000 đồng.

- Tiếp sức mùa thi hỗ trợ 08 học sinh (Tổng: 3.750.000 đồng)

2. Thông tin về kết quả giáo dục năm học 2025-2026

a) Kết quả tuyển sinh: năm học 2025-2026 tuyển mới 283; tổng số học sinh theo từng khối (tính đến tháng 5/2026): Khối 10: 287; Khối 11: 213 ; Khối 12:

207; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 10: 42,0; Khối 11: 35,5 ; Khối 12: 34,5; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 707; số lượng học sinh nam: 325, học sinh nữ: 382, học sinh là người dân tộc thiểu số: 707, học sinh khuyết tật: 06; số lượng học sinh chuyên trường 01, tiếp nhận học sinh học tại trường: 01.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh năm học 2025-2026

- Kết quả học tập

Tổng số HS	Số không xếp loại (KT, học hòa nhập...)	số HS được đánh giá, xếp loại	Kết quả học tập							
			Mức tốt		Mức khá		Mức đạt		Mức chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16
707	0	707	87	12,3%	366	51,8%	223	31,5%	31	4,4%

- Kết quả rèn luyện

Tổng số HS	Số không xếp loại (KT, học hòa nhập...)	số HS được đánh giá, xếp loại	Kết quả rèn luyện							
			Mức tốt		Mức khá		Mức đạt		Mức chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	5	6	19	20	21	22	23	24	25	26
707	0	707	516	73,0%	157	22,2%	21	3,0%	13	1,8%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp (năm 2025): 218; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 30; số lượng học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng: 81.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai tài chính năm 2025:

a. Nguồn ngân sách:

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2025 theo Quyết định số 1868/QĐ-SGDDT ngày 26/12/2024 Quyết định về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 và các quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG/NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0	12.362.984
DỰ TOÁN GIAO (2)	9.665.000.000	1.950.000.000

DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	395.960.000	1.560.783.000
DỰ TOÁN GIẢM (4)	0	0
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)		
DỰ TOÁN CHI	9.913.521.000	3.474.638.000
I. CHI THƯỜNG XUYỀN	9.913.521.000	
Tiền lương	4.734.718.000	
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	213.271.000	
Phụ cấp lương	2.899.678.000	
Tiền thưởng	33.240.000	
Phúc lợi tập thể	3.500.000	
Các khoản đóng góp	1.212.798.000	
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	96.000.000	
Thanh toán dịch vụ công cộng	40.343.000	
Vật tư văn phòng	40.049.000	
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	66.899.000	
Hội nghị	1.650.000	
Công tác phí	213.126.000	
Chi phí thuê mướn	16.849.000	
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	22.870.000	
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	219.929.000	
Chi khác	59.991.000	
Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	38.610.000	
II. CHI KHÔNG THƯỜNG XUYỀN		3.474.638.000
Tiền thưởng		529.430.000
Phụ cấp lương		422.693.000
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		461.048.000
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		820.544.000
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		110.000.000
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		8.641.000
Chi khác		1.122.282.000

DỰ TOÁN CÒN LẠI	147.439.000	48.507.984
CHUYỂN SANG NĂM 2026	100.439.000	22.875.000
DỰ TOÁN HỦY	47.000.000	25.632.984

b, Nguồn dịch vụ và thu khác

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Học phí	Gửi xe	Ghi chú
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	337.308.500	187.036.000	150.275.500	
a	Năm trước chuyển sang	97.619.400	86.579.900	11.039.500	
b	Thu trong năm	239.692.000	100.456.100	139.236.000	
2	Chi phí quản lý của hoạt động SXKD, dịch vụ	248.242.500	190.062.000	58.180.500	
	Nộp thuế GTGT, TNDN	11.032.500		11.032.500	
-	Phụ cấp lương	23.353.000	23.353.000		
-	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	36.148.000		36.148.000	
-	Chi thuê mướn	11.000.000		11.000.000	
-	Chi khác	166.709.000	166.709.000		

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm	715	2.318.400.000	

học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ			
Học kỳ I năm học 2025-2026	715	1.037.520.000	4 tháng
Học kỳ II năm học 2025-2026	715	1.280.880.000	5 tháng
Đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ	106	104.850.000	
Học kỳ I năm học 2025-2026	101	60.600.000	4 tháng
Học kỳ II năm học 2025-2026	106	44.250.000	5 tháng
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH	1	17.348.000	
Hỗ trợ học bổng	1	17.348.000	
Học kỳ I năm học 2025-2026	1	7.988.000	4 tháng
Học kỳ II năm học 2025-2026	1	9.360.000	5 tháng
Đối tượng được hỗ trợ tiền ăn, nhà ở: Theo Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ	100	843.696.000	
Học kỳ I năm học 2025-2026	91	504.144.000	4 tháng
Học kỳ II năm học 2025-2026	100	339.552.000	5 tháng

3. Công khai các khoản thu năm học 2025-2026

a. Công khai mức thu các khoản theo NQ 23/2025

TT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
1	Tiền gửi xe đạp, xe đạp điện	20.000đ/HS/tháng	QĐ số 2378/QĐ-UBND ngày 31/12/2024

2	Tiền gửi xe đạp điện, xe máy điện, xe máy	30.000/HS/tháng	QĐ số 2378/QĐ-UBND ngày 31/12/2024
3	Tiền quỹ vệ sinh	12.000đ/HS/tháng	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
4	Dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ	15.000đ/HS/tháng	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
5	Tiền Onluyen.vn	600.000đ/HS/năm học	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
6	Tiền số liên lạc điện tử	80.000đ năm học	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025
7	Tiền danh bằng khuôn mặt	66.000đ năm học	Căn cứ NQ 23/2025/NQ-HĐND - HĐND tỉnh Lạng Sơn ngày 15/07/2025

b. Công khai thu, chi các khoản theo NQ 23/2025 năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Số tiền thu	Số tiền chi	Số tiền tồn
1	Tiền quỹ vệ sinh	76.113.000	76.113.000	0
2	Dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ	96.705.000	96.705.000	0
3	Tiền Onluyen.vn	426.202.000	426.202.000	0
4	Tiền số liên lạc điện tử	55.310.000	54.667.320	642.680
5	Tiền danh bằng khuôn mặt	47.256.000	47.250.000	6.000

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc ngày 31/12/2025:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	1.442.680	
II	Số dư tiền gửi ngân hàng, kho bạc	Đồng	260.398.451	

5. Công khai dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2026:

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2026	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2026
A	Dự toán chi NSNN		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.227.439.000	5.026.392.000
1.1	Kinh phí năm trước chuyển sang	100.439.000	
1.2	NSNN cấp năm 2026	10.127.000.000	
	Tiền lương		2.425.362.000
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường		123.504.000

	xuân theo hợp đồng		
	Phụ cấp lương		1.516.653.000
	Tiền thưởng		11.320.000
	Phúc lợi tập thể		1.200.000
	Các khoản đóng góp		609.450.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng		25.908.000
	Vật tư văn phòng		13.867.000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		12.557.000
	Công tác phí		185.024.000
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		12.500.000
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		49.700.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		27.085.000
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp		12.262.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.485.985.000	164.903.600
2.1	Kinh phí năm trước chuyển sang	22.875.000	
2.2	NSNN cấp năm 2026	2.463.110.000	
	Phụ cấp lương		142.229.000
	Các khoản thanh toán cho cá nhân		22.674.600

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nhiệm vụ 1: Nâng cao chất lượng ôn thi học sinh giỏi trong nhà trường

1.1. Mục tiêu

- Nâng cao số lượng và chất lượng học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi cấp trường, cấp tỉnh. Phần đầu đạt 45 giải cấp trường (Trong đó khối 11: 30 (13,9%); khối 12: 15 giải (7,2%)). Phần đầu đạt 21 giải cấp tỉnh (Trong đó khối 11: 14 giải (6,5%); khối 12: 7 giải (3,4%)). Chất lượng giải phần đầu đạt 01 giải nhì và ít nhất 03 giải ba cấp tỉnh.

- Phần đầu tăng đội tuyển dự thi cấp tỉnh ở các khối lớp 12, 11 cụ thể như sau: Khối 12 gồm 05 môn: Sinh học, Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử, GDKT&PL (Tăng 01 môn GDKT-PL so với năm học 2024-2025); Khối 11 gồm 07 môn: Vật lý, Sinh học, Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử, GDKT&PL, Tin học (Tăng 03 môn Vật lý,

GDKT&PL, Tin học so với năm học 2024-2025). Số lượng học sinh tham gia dự thi cấp tỉnh ít nhất là 03 học sinh/môn và không quá 10 học sinh/ đội tuyển.

1.2. Các giải pháp thực hiện

- Nhà trường xây dựng kế hoạch ôn thi học sinh giỏi, chỉ đạo tổ chuyên môn, xây dựng kế hoạch chi tiết gắn với phân phối chương trình ôn tập cụ thể theo từng môn học.

- Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên có năng lực, tâm huyết, trách nhiệm để tham gia công tác ôn tập đội tuyển. Tổ, nhóm chuyên môn phân công giáo viên ôn tập theo các chủ đề thuộc thể mạnh của giáo viên.

- Giáo viên giảng dạy ở các lớp khảo sát học sinh, tìm hiểu thông tin từ hồ sơ học sinh, phát hiện học sinh có năng lực, phẩm chất, yêu thích bộ môn để lựa chọn vào đội tuyển ôn tập.

- Tổ chức thi vòng loại cấp trường để lựa chọn học sinh có khả năng tốt nhất tiếp tục tham gia ôn đội tuyển dự thi cấp tỉnh. Liên kết với trường THPT Chi Lăng, THPT Đồng Bành hỗ trợ trong công tác ôn tập như ôn trực tuyến, chấm bài dự thi học sinh giỏi cấp trường, sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu về chuyên đề ôn học sinh giỏi...

- BGH sắp xếp lịch dự giờ tiết ôn tập đối với giáo viên tham gia ôn đội tuyển nhất là các môn lần đầu tiên thành lập đội tuyển để kịp thời tư vấn, hỗ trợ. Kiểm tra việc ghi sổ đầu bài đảm bảo rõ ràng, kịp thời, khớp với phân phối chương trình ôn tập của bộ môn.

- Nhà trường trang bị thêm tài liệu ôn học sinh giỏi, các sách tham khảo nâng cao bổ sung vào nguồn thư viện để học sinh và giáo viên ôn tập tra cứu, bổ sung kiến thức trong việc ôn tập. Động viên giáo viên tích cực sưu tầm thêm các nguồn tài liệu, các đề thi học sinh giỏi ở các tỉnh bạn để hướng dẫn học sinh.

- Nhà trường tạo mọi điều kiện cho giáo viên ôn tập có thời gian ôn thêm, ôn bổ sung ngoài 2 tiết quy định/tuần (theo hình thức ôn tập phụ đạo không hưởng thù lao). Tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh ở lại buổi trưa trong những buổi ôn tập. Có động viên khen thưởng khích lệ học sinh khi đạt giải cấp tỉnh.

1.3. Kết quả

- Số giải HSG cấp trường: 50 giải.

- Số giải HSG cấp tỉnh: 28 giải, trong đó có 04 giải nhì, 09 giải ba, 15 giải khuyến khích (tăng 09 giải so với năm học trước, trong đó tăng 03 giải Nhì, 03 giải Ba, 03 giải Khuyến khích).

2. Nhiệm vụ 2: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy, kiểm tra đánh giá

2.1. Mục tiêu

- Trong công tác quản lý:

+ Tiếp tục khai thác, sử dụng có hiệu quả đối với các loại hồ sơ điện tử: sổ điểm lớp, học bạ, sổ đăng bộ. Đưa vào sử dụng mới 02 loại hồ sơ: lịch báo giảng, giáo án.

+ Sử dụng hệ thống điểm danh khuôn mặt trong quản lý học sinh. 100% học sinh được nhận dạng khuôn mặt điểm danh trước giờ truy bài buổi sáng và đầu giờ học buổi chiều theo lịch.

- Trong công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá:

+ 100% học sinh toàn trường sử dụng app onluyen.vn để tham gia ôn tập, học bổ trợ, kiểm tra thường xuyên và thi thử tốt nghiệp theo kế hoạch của Sở GD&ĐT.

+ Tổ chức kiểm tra thường xuyên theo hình thức trực tuyến trên phần mềm onluyen.vn. Cụ thể. Khối 12 thực hiện đối với các môn học: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, CNCN, CNNN, Lịch sử, Địa lý, GDKT&PL, Tiếng Anh thực hiện kiểm tra 01 bài/học kỳ. Khối 10,11 thực hiện đối với các môn học: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, CNCN, CNNN, Lịch sử, Địa lý, GDKT&PL, Tiếng Anh thực hiện kiểm tra 01 bài/năm học (Học kỳ II).

2.1. Các giải pháp thực hiện

** Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên:*

- Triển khai cho 100% CBQL, GV sử dụng các phần mềm quản lý và phục vụ giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

- Tổ chức tập huấn về sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ AI trong giảng dạy và quản lý cho toàn bộ giáo viên nhà trường.

- Phân công giáo viên cốt cán (tổ ứng dụng CNTT) hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong việc áp dụng công nghệ.

- Phối hợp với công ty TNHH Giáo dục Edmicro - giải pháp giáo dục số Ôn luyện tổ chức tập huấn và hướng dẫn cho GV, HS khai thác các tính năng trên hệ thống Onluyen.vn (tháng 8/2025).

** Xây dựng hệ thống quản lý số*

- Nhà trường kiện toàn tổ cốt cán ứng dụng công nghệ thông tin năm học 2025-2026. Chỉ đạo cập nhật cơ sở dữ liệu trên hệ thống vào đầu năm, giữa năm và cuối năm học

- Xây dựng kế hoạch và trang bị đầy đủ các phần mềm liên quan đến công tác quản lý và phục vụ cho công tác dạy học, kiểm tra đánh giá trong nhà trường. Tăng cường quản lý hoạt động dạy học và quản lý nhà trường trên môi trường số.

- Triển khai thực hiện việc cập nhật các thông tin, số liệu đầu năm học theo quy định. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê theo quy định (tháng, học kì, năm học).

- Tiếp tục triển khai hệ thống sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ liên lạc điện tử và các phần mềm quản lý học sinh, nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và tiết kiệm thời gian.

** Khuyến khích sử dụng tài liệu và học liệu số*

- Tổ chức dạy học có hiệu quả với phòng học đa phương tiện, phòng Tin học. Khuyến khích giáo viên khai thác tối đa phòng học đa phương tiện và các thiết bị hiện có phục vụ cho việc dạy học trong nhà trường như hệ thống máy chiếu, ti vi,.. tại các lớp học và thiết bị dạy học do cá nhân trang bị.

- Xây dựng kho học liệu số của trường, bao gồm các bài giảng, đề thi, và tài liệu tham khảo để giáo viên và học sinh dễ dàng truy cập và sử dụng.

- Khuyến khích giáo viên, học sinh khai thác tài liệu và học liệu số từ các nguồn có chất lượng tốt phục vụ dạy học.

** Tổ chức sinh hoạt chuyên môn qua mạng*

- BGH chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn năm học 2025-2026, tổ chuyên môn đăng ký các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn kết nối liên trường. Định kỳ rà soát việc thực hiện sinh hoạt chuyên môn qua mạng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các hình thức sinh hoạt chuyên môn như: sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt chuyên môn theo hình thức kết nối liên trường, sinh hoạt chuyên môn qua các lớp học trực tuyến,...

- Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện, học tập của HS.

- Tổ chức giao lưu chuyên môn sâu với các trường trong huyện, tỉnh, các trường trong cụm thi đua về các nội dung như: công tác ôn thi tốt nghiệp, ôn thi HSG, các chuyên đề chuyên môn sâu, các nội dung mới và khó trong chương trình,...

** Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến*

- Xây dựng kế hoạch triển khai các kỳ kiểm tra, đánh giá trực tuyến định kỳ, giúp học sinh làm quen với môi trường kiểm tra số hóa và nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ.

- Ban hành quy chế chuyên môn trong đó quy định cụ thể về quy chế kiểm tra đánh giá theo hình thức trực tuyến. Chỉ đạo các tổ/ nhóm chuyên môn triển khai tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên với các hình thức kiểm tra qua phần mềm trực tuyến.

- Phối hợp với công ty TNHH Giáo dục Edmicro - giải pháp giáo dục số Ôn luyện hướng dẫn GV và HS khai thác phần mềm kiểm tra đánh giá thường xuyên đối với các môn học.

1.3. Kết quả

- Sử dụng đồng bộ các loại hồ sơ điện tử: sổ điểm lớp, học bạ, sổ đăng bộ. lịch báo giảng, giáo án.
- Sử dụng hiệu quả hệ thống điểm danh khuôn mặt trong quản lý học sinh. 100% học sinh được nhận dạng khuôn mặt điểm danh trước giờ truy bài buổi sáng và đầu giờ học buổi chiều theo lịch.
- 100% học sinh toàn trường sử dụng hiệu quả app onluyen.vn để tham gia ôn tập, học bổ trợ, kiểm tra thường xuyên và thi thử tốt nghiệp theo kế hoạch của Sở GD&ĐT.
- Đã tổ chức kiểm tra thường xuyên theo hình thức trực tuyến trên phần mềm onluyen.vn đối với các môn học theo kế hoạch.
- Việc triển khai chuyển đổi số trong nhà trường đã đạt được nhiều chuyển biến rõ nét. Nhà trường đã đảm bảo 100% phòng học có kết nối Internet, máy chiếu hoặc tivi phục vụ dạy học ứng dụng CNTT. Xây dựng phòng học trực tuyến và phòng học đa năng có bảng tương tác.
- Trên 90% giáo viên có khả năng sử dụng các phần mềm, công cụ hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học; trên 60% giáo viên có thể xây dựng học liệu số và bài giảng điện tử.

Nơi nhận:

- Bảng niêm yết công khai;
- Website trường THPT Hoà Bình;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Thương

